

1	Up to now/ Up to present =?	1	Look!/ keep silent! Listen!
2	Each/ per + week/ year/ month....	2	Ever
3	Hànhvừamớichấmdứtnhưngcó 1 kếtquảhoặcđầuhiệu ở HT. VD: tôivừamớibơi, đólàlý do tôctôiuớt	3	Regularly
4	Already;	4	At this time yesterday
5	At that time	5	Seldom
6	Since + 1MĐ thì MĐ đó ở thì? VD: Tôidấkhôngthểởđây.	6	At the moment
7	At present	7	For the last two hours
8	At this time next week/ month/	8	Frequently
9	Now	9	Normally
10	By + (the time).....,Trong QK	10	For + khoảngthờigian
11	So far	11	At this time tomorrow
12	Trong QK, khiđ 1 đangxảy ra, đ 2 xen vàothìđ 1 dùngthì ... vàđ 2 dùngthìgì (2 thì) VD: Hôm qua khیتôđangxem TV, anhấđến	12	Trong QK, khiđ A xảy ra thicóđ B đãxảy ra trước. =>đ A dùngthì ... vàđ B dùngthì..... VD: Khیتôđến, cuộchợđầubắtđầu
13	Yet	13	In the future
14	Trong QK: Before +....., (2)	14	Rarely
15	Trong QK: When = by the time +, (2)	15	Khoảngthờigian tam thời: today, this month/week Tuầnnàytôđihọcbằngxebuýt
16	Once a week/ month	16	these days
17	This time last week/ month/	17	The other day
18	1 việcsắpxảy ra trong TLG: this weekend, tomorrowdùng 2 thì nào?	18	Last week/ year/month/ Sunday

19	Trong TL: as soon as +,..... (ngaykhi ,.....)		19	All + 1 khoảngthờigian (all this morning, all yesterday evening), Chisựliêntục.	
20	Before đứngcuốicâu Tôidãgặphanh ta trướcdây		20	Know, want, be, think, have (có)...khôngdùngtrongthì	
21	Always, continually trongcâukẻhànhđộngmangtínhtiêucựcdùng ...		21	Once, 2 times, 3 times + every/ each/a + year/ month/ day/....	
22	By làđầuhiệuthì &		22	Once, 2 times, 3 times	
23	This is the 1 st , 2 nd time +		23	In 2000; in the 19 th century	
24	This was the first time +		24	At present	
25	Trong QK: after +,		25	By 2000; by the 19 th century	
26	yesterday		26	Ago	
27	Trong QK: While +,		27	just	
28	So sánhnhất		28		
29	Lịchtrình côngcộng trongtrươnglại, VD: Tàuchạyvào 7h sángmai		29	When I was young,+..... When he was small, +.....	
30	In recent years/ months; recently		30	lately	